

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. CĂN CỨ LẬP BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026, trong trường hợp văn bản được ban hành và có hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng.

Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.

Nghị định số 241/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP.

Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về cấp công trình xây dựng phục vụ quản lý hoạt động xây dựng, trong phạm vi nội dung dự thảo có sử dụng thông tin về cấp công trình.

II. BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại các đô thị; xác định việc đặt tên nhằm phục vụ quản lý đô thị, quản lý hành chính, giao dịch của tổ chức, cá nhân và giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa.	Điều 1, Điều 2 quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng đối với đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn.	Kế thừa phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, đồng thời cụ thể hóa cho điều kiện quản lý thực tế tại địa phương. Việc quy định đối tượng điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý, nhận diện và sử dụng thống nhất tên đường, công trình công cộng trên địa bàn.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định, giải thích các khái niệm về đường, phố, công trình công cộng và các đối tượng có liên quan.	Điều 3 bổ sung giải thích “Ngân hàng tên”, “công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội quan trọng”, “đơn vị quản lý công trình công cộng”, “Đề án đặt tên, đổi tên”.	Bổ sung các khái niệm cần thiết để bảo đảm thống nhất cách hiểu và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện. Các khái niệm được bổ sung chủ yếu có tính chất giải thích, cụ thể hóa quy trình quản lý, không nhằm đặt thêm điều kiện trái với quy định của pháp luật cấp trên.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định việc đặt tên, đổi tên phải bảo đảm tính	Điều 4 quy định các nguyên tắc đặt tên, đổi tên, trong đó yêu cầu bảo đảm tính	Kế thừa và hệ thống hóa các nguyên tắc của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; đồng

khoa học, lịch sử, văn hóa; tên gọi phải phù hợp, tương xứng với vị trí, cấp độ, quy mô và tính chất của đối tượng được đặt tên; hạn chế việc đổi tên đã quen thuộc.	chính xác, khoa học, ổn định lâu dài, phù hợp, tương xứng và hạn chế đổi tên.	thời cụ thể hóa yêu cầu phục vụ quản lý đô thị, nhận diện địa bàn, cập nhật dữ liệu và hạn chế những tác động không cần thiết đối với tổ chức, cá nhân.
Điều 5 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định không đổi tên đường, phố, công trình công cộng đã có tên quen thuộc, gắn với lịch sử, văn hóa; trường hợp cần thiết phải đổi tên thì phải xem xét thận trọng.	Khoản 8, khoản 9 Điều 4 và Điều 8 quy định nguyên tắc hạn chế đổi tên, điều kiện đổi tên, đánh giá tác động và xử lý các vấn đề phát sinh khi đổi tên.	Kế thừa nguyên tắc ổn định tên gọi; đồng thời bổ sung yêu cầu đánh giá tác động, lấy ý kiến và xác định giải pháp xử lý đối với giấy tờ, dữ liệu, biên tên, địa chỉ giao dịch và các vấn đề phát sinh do việc đổi tên, góp phần hạn chế chi phí xã hội.
Điều 6 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT quy định không đặt các tên gọi khác nhau của cùng một danh nhân trên cùng một địa bàn, trừ trường hợp đặc biệt có liên hệ trực tiếp với danh nhân.	Khoản 7 Điều 4 và khoản 6 Điều 5 quy định nguyên tắc không trùng, không gây nhầm lẫn về tên và tiêu chí lựa chọn danh nhân, nhân vật lịch sử.	Kế thừa quy định hiện hành. Để bảo đảm rõ ràng, thống nhất trong áp dụng, đề nghị bổ sung trực tiếp nguyên tắc không sử dụng các tên gọi khác nhau của cùng một danh nhân trên cùng địa bàn, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật.
Điều 9 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định tên gọi phải tương xứng với vị trí, cấp độ, quy mô của đường, phố và công trình công cộng.	Điều 6 quy định việc bảo đảm tương xứng giữa tên gọi với vị trí, cấp độ, quy mô, tính chất của đường và công trình công cộng.	Cụ thể hóa nguyên tắc tương xứng theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, làm cơ sở cho việc lựa chọn tên phù hợp với đối tượng được đặt tên, không làm phát sinh điều kiện trái với pháp luật hiện hành.
Điều 10 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định các nhóm tên có thể được sử dụng như địa danh, danh từ có ý nghĩa tiêu biểu, di tích, danh lam thắng cảnh,	Điều 5 và Điều 9 quy định tiêu chí lựa chọn tên và các nhóm tên được đưa vào Ngân hàng tên.	Kế thừa các nhóm tên được pháp luật quy định; đồng thời tổ chức, hệ thống hóa thành Ngân hàng tên để tạo nguồn tên phục vụ công tác đặt tên, đổi tên, hạn chế

phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng, danh nhân.		trùng lặp và thuận lợi cho việc quản lý, cập nhật.
Điều 10 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về lịch sử thì chưa xem xét đặt tên.	Khoản 1 Điều 5 quy định danh nhân, nhân vật lịch sử phải có công lao, đóng góp tiêu biểu, được xã hội ghi nhận và có nguồn tư liệu lịch sử, khoa học đáng tin cậy.	Cụ thể hóa yêu cầu về cơ sở tư liệu và mức độ ghi nhận đối với danh nhân, nhân vật lịch sử. Đề nghị bổ sung rõ trường hợp nhân vật còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên, nhằm bảo đảm tương thích với Nghị định số 91/2005/NĐ-CP.
Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT hướng dẫn việc đặt tên đối với danh nhân có nhiều tên gọi khác nhau và một số trường hợp danh nhân, nhân vật lịch sử nước ngoài.	Khoản 6 Điều 5 quy định tiêu chí đối với danh nhân, nhân vật lịch sử nước ngoài.	Kế thừa và cụ thể hóa quy định hướng dẫn hiện hành, bảo đảm việc lựa chọn tên danh nhân, nhân vật lịch sử nước ngoài có cơ sở lịch sử, văn hóa và phù hợp với pháp luật.
Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT và thực tiễn áp dụng, danh nhân, nhân vật lịch sử được lựa chọn đặt tên phải từ trần trước thời điểm xem xét ít nhất 05 năm, trừ trường hợp đặc biệt.	Khoản 2 Điều 5 quy định người được lựa chọn đặt tên phải từ trần ít nhất 05 năm, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của pháp luật.	Kế thừa quy định, hướng dẫn hiện hành nhằm bảo đảm tính ổn định và có đủ độ lùi thời gian để đánh giá khách quan về đóng góp, vai trò lịch sử của nhân vật. Đề nghị giữ nguyên nhưng rà soát căn cứ pháp lý cụ thể để bảo đảm phù hợp với văn bản đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành.
Điều 4 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định đường, phố và công trình công cộng được xây dựng theo quy hoạch, sử dụng ổn định thì được xem xét đặt tên.	Điều 7 quy định tuyến đường phải được hình thành theo quy hoạch hoặc được quyết định đầu tư; hạ tầng cơ bản hoàn thành, khai thác, sử dụng ổn định và xác định được điểm đầu, điểm cuối.	Cụ thể hóa điều kiện thực tế để lập hồ sơ đề nghị đặt tên, tạo cơ sở xác định rõ đối tượng, phạm vi và tên gọi, phù hợp với nguyên tắc của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP.

Điều 12 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP cho phép đường, phố quá dài được phân đoạn để đặt tên căn cứ điều kiện cụ thể.	Khoản 3, khoản 4 Điều 7 quy định ưu tiên sử dụng một tên thống nhất đối với tuyến liên tục; trường hợp tuyến bị chia cắt bởi sông, kênh, đường sắt, nút giao lớn hoặc điều kiện kỹ thuật đặc biệt thì có thể xem xét đặt tên khác cho từng đoạn.	Cụ thể hóa quy định của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP theo hướng ưu tiên tính liên tục, ổn định của tên đường, đồng thời cho phép phân đoạn trong những trường hợp thực sự cần thiết do đặc điểm tự nhiên, kỹ thuật hoặc tổ chức giao thông.
Điều 13 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định không đặt tên cho ngõ, ngách.	Khoản 10 Điều 4 quy định không đặt tên đường, phố cho hẻm, ngõ, ngách hoặc tuyến giao thông nội bộ có tính chất tương tự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	Cơ bản kế thừa quy định hiện hành. Đề nghị rà soát và thống nhất thuật ngữ trong toàn bộ dự thảo; nên sử dụng cách gọi phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành để tránh cách hiểu khác nhau trong quá trình thực hiện.
Điều 14 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định nguyên tắc đặt tên công trình công cộng căn cứ vào tính chất, quy mô và ý nghĩa của công trình.	Điều 6 và các quy định về hồ sơ yêu cầu xác định vị trí, quy mô, diện tích, đặc điểm, tính chất và cấp công trình công cộng.	Cụ thể hóa yêu cầu về thông tin phục vụ khảo sát, thẩm định và xác định sự tương xứng giữa tên gọi với công trình. Việc xác định cấp công trình chỉ nhằm phục vụ phân loại, mô tả và xác định thẩm quyền theo quy định có liên quan, không nên được quy định thành điều kiện độc lập nếu pháp luật về đặt tên không đặt ra điều kiện này.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định HĐND cấp tỉnh quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng; UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện và	Khoản 1 Điều 15 quy định HĐND thành phố quyết định đặt tên, đổi tên đối với đường đô thị cấp đặc biệt, cấp I, II, III; công trình công cộng nhóm A	Rà soát, chỉnh sửa căn bản về chủ thể và thẩm quyền để bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và pháp luật hiện hành tại thời điểm ban hành. Nếu “thành phố” trong dự thảo

trình HĐND xem xét, quyết định theo thẩm quyền.	và các trường hợp khác thuộc thẩm quyền của HĐND thành phố.	được sử dụng với tư cách đơn vị hành chính cấp huyện thì việc quy định HĐND thành phố quyết định là không còn phù hợp. Cần xác định rõ thẩm quyền của HĐND, UBND cấp tỉnh và UBND cấp xã theo pháp luật hiện hành; đồng thời phân biệt thẩm quyền “đặt tên, đổi tên” với thẩm quyền “đặt số hiệu đường bộ”.
Pháp luật hiện hành về tổ chức chính quyền địa phương được tổ chức theo mô hình 02 cấp, gồm cấp tỉnh và cấp xã, không còn cấp huyện.	Khoản 2 Điều 15 giao UBND thành phố quyết định đặt tên, đổi tên đường đô thị cấp IV, đường nông thôn (đường xã) cấp IV và công trình công cộng nhóm B; khoản 4, khoản 5 và khoản 8 Điều 15 tiếp tục quy định trách nhiệm của UBND thành phố, UBND cấp xã.	Cần rà soát đồng bộ. Nếu “UBND thành phố” là UBND cấp huyện thì quy định này không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đối với đường xã và các công trình thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, cần xác định rõ trường hợp nào thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã, trường hợp nào thuộc thẩm quyền cấp tỉnh hoặc thực hiện theo phân cấp, ủy quyền của pháp luật hiện hành.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh thành lập Hội đồng Tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; tổ chức nghiên cứu, lập Ngân hàng tên và tổ chức lấy ý kiến.	Khoản 4 Điều 15 quy định UBND thành phố thành lập Hội đồng Tư vấn; chỉ đạo xây dựng, quản lý, cập nhật, bổ sung Ngân hàng tên; tổ chức thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.	Kế thừa cơ chế Hội đồng Tư vấn và Ngân hàng tên. Tuy nhiên, chủ thể thành lập Hội đồng Tư vấn phải được điều chỉnh theo cấp chính quyền có thẩm quyền ban hành Quy định và thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên sau khi rà soát pháp luật hiện hành.

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định những trường hợp thuộc thẩm quyền HĐND.	Điểm c khoản 4 Điều 15 quy định UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, quyết định các trường hợp thuộc khoản 1 Điều này.	Quy định phù hợp về mặt trình tự nếu xác định đúng chủ thể có thẩm quyền. Sau khi xác định lại cấp chính quyền, cần sửa tên cơ quan trình và cơ quan quyết định cho thống nhất với thẩm quyền theo pháp luật hiện hành.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP yêu cầu lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn, tổ chức Đảng, MTTQ, đoàn thể, nhà khoa học và Nhân dân trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.	Khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 15 quy định UBND cấp xã hoặc cơ quan, đơn vị quản lý công trình xây dựng Đề án; tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, nhà khoa học và Nhân dân có liên quan; công khai nội dung Đề án.	Kế thừa yêu cầu lấy ý kiến và công khai dự kiến đặt tên, đồng thời cụ thể hóa trách nhiệm của chủ thể lập hồ sơ. Quy định theo hướng xác định rõ nhóm đối tượng chịu tác động trực tiếp nhằm bảo đảm tính thực chất của việc tham vấn.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định trình tự nghiên cứu, khảo sát, lập hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định.	Khoản 7 Điều 15 quy định đối với trường hợp thuộc thẩm quyền HĐND: lập Đề án, lấy ý kiến, gửi cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn khảo sát, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ và tham mưu UBND trình HĐND quyết định.	Cụ thể hóa trình tự xử lý hồ sơ theo từng bước, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan lập hồ sơ, cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn và UBND. Cần rà soát để bảo đảm các bước này không chồng lấn với trình tự, thủ tục bắt buộc theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật nếu kết quả là nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định việc đặt tên, đổi tên thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh được UBND quyết định trên cơ sở hồ sơ và ý kiến của Hội đồng Tư vấn.	Khoản 8 Điều 15 quy định đối với trường hợp thuộc thẩm quyền UBND thành phố: sau khi lấy ý kiến, khảo sát, thẩm định, cơ quan thường trực Hội đồng Tư vấn hoàn thiện hồ sơ, tham	Cơ bản kế thừa trình tự hiện hành, đồng thời quy định rõ hơn các bước khảo sát, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ. Tuy nhiên cần xác định lại cơ quan có thẩm quyền quyết định sau khi rà soát mô hình chính

	muru UBND thành phố xem xét, quyết định.	quyền địa phương 02 cấp và quy định chuyên ngành về đường bộ.
Pháp luật hiện hành quy định hồ sơ phải có các thông tin cần thiết để xác định đối tượng, tên gọi, vị trí, quy mô, ý nghĩa và kết quả lấy ý kiến.	Khoản 9 Điều 15 quy định hồ sơ gồm Tờ trình; Đề án; sơ đồ vị trí; báo cáo tổng hợp ý kiến; biên bản họp, khảo sát; tài liệu xác định cấp kỹ thuật/cấp công trình; dự thảo nghị quyết hoặc quyết định.	Cụ thể hóa thành phần hồ sơ, tạo cơ sở cho việc kiểm tra, khảo sát và thẩm định. Đề nghị rà soát từng thành phần hồ sơ để tránh yêu cầu những tài liệu không cần thiết hoặc trùng lặp; đồng thời phân biệt hồ sơ hành chính phục vụ quyết định đặt tên với hồ sơ lập dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định cơ quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc đặt tên, đổi tên sau khi có quyết định/nghị quyết có hiệu lực, trong đó có việc gắn biển tên và tuyên truyền ý nghĩa tên gọi.	Khoản 4, khoản 5 và khoản 8 Điều 15 quy định UBND thành phố, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị quản lý công trình tổ chức thực hiện; công bố tên, gắn biển tên và tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa tên gọi.	Kế thừa trách nhiệm tổ chức thực hiện sau khi quyết định/nghị quyết có hiệu lực; đồng thời phân định trách nhiệm giữa cơ quan quyết định, UBND cấp xã và đơn vị quản lý công trình. Cần bảo đảm chủ thể thực hiện tương ứng với mô hình chính quyền 02 cấp.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định việc gắn biển tên sau khi nghị quyết có hiệu lực và yêu cầu tổ chức thực hiện trong thời hạn quy định.	Khoản 5 và khoản 8 Điều 15 quy định UBND cấp xã tổ chức công bố tên, gắn biển tên và tuyên truyền sau khi quyết định có hiệu lực; chưa quy định rõ thời hạn thực hiện.	Đề nghị bổ sung thời hạn thực hiện việc công bố và gắn biển tên, hoặc dẫn chiếu đến thời hạn theo quy định pháp luật hiện hành, nhằm xác định rõ trách nhiệm và thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát.
Nghị định số 91/2005/NĐ-CP yêu cầu tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa tên đường, tên danh nhân, sự kiện, di tích và các tên gọi khác.	Điểm e khoản 5 và khoản 8 Điều 15 quy định công bố tên, gắn biển tên và tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa tên đường, công trình công cộng.	Kế thừa và cụ thể hóa trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến ý nghĩa tên gọi; góp phần phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, giáo dục của việc đặt tên đường và công trình công cộng.

Pháp luật về đường bộ phân biệt giữa việc đặt tên đường và việc đặt số hiệu đường bộ; việc đặt số hiệu đường bộ thực hiện theo quy định của pháp luật về đường bộ.	Dự thảo quy định về đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng; đồng thời có quy định loại trừ hoặc dẫn chiếu đối với số hiệu đường bộ.	Cần quy định rõ phạm vi điều chỉnh để tránh nhầm lẫn giữa “tên đường” và “số hiệu đường bộ”. Việc đặt, đổi tên phải thực hiện theo quy định về đặt tên; việc đặt số hiệu đường bộ thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về đường bộ và đúng thẩm quyền được phân định.
Pháp luật hiện hành về đường bộ và phân cấp, phân quyền quy định thẩm quyền quản lý, đặt tên, số hiệu đối với từng loại đường.	Khoản 1, khoản 2 và khoản 9 Điều 15 sử dụng cấp kỹ thuật của đường để phân định thẩm quyền; hồ sơ phải có tài liệu xác định cấp kỹ thuật của đường.	Việc sử dụng cấp kỹ thuật để xác định thẩm quyền cần được rà soát kỹ với pháp luật hiện hành về đường bộ. Chỉ sử dụng cấp kỹ thuật trong phạm vi pháp luật cho phép; không nên đồng nhất cấp kỹ thuật của đường với thẩm quyền đặt tên nếu pháp luật chuyên ngành đã có quy định riêng.
Pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương quy định chính quyền địa phương gồm cấp tỉnh và cấp xã; nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp được phân định theo luật và các văn bản phân cấp, phân quyền.	Điều 15 phân định trách nhiệm giữa HĐND thành phố, UBND thành phố, UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị quản lý công trình.	Cần rà soát toàn bộ Điều 15 và các điều khoản liên quan để thay thế các chủ thể không còn phù hợp; đồng thời xác định rõ chủ thể lập hồ sơ, chủ thể thẩm định, chủ thể trình và chủ thể quyết định trên cơ sở pháp luật hiện hành về phân cấp, phân quyền.
Pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định việc xây dựng, thẩm định, trình và ban hành nghị quyết của HĐND, quyết định của	Khoản 7 và khoản 8 Điều 15 quy định trình tự khảo sát, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ và trình HĐND hoặc UBND quyết định; khoản 9 quy định dự thảo	Quy định nhằm bảo đảm trình tự xử lý hồ sơ đặt tên, đổi tên. Tuy nhiên cần phân định rõ thẩm định hồ sơ/Đề án đặt tên với thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tránh sử dụng thuật ngữ

UBND phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.	ng nghị quyết hoặc quyết định trong hồ sơ.	“thẩm định” theo cách có thể dẫn đến nhầm lẫn giữa hai quy trình pháp lý khác nhau.
Pháp luật hiện hành không quy định việc một tên được đưa vào Ngân hàng tên sẽ đương nhiên được sử dụng để đặt tên cho một đường hoặc công trình cụ thể.	Khoản 4 Điều 10 quy định việc đưa tên vào Ngân hàng tên không làm phát sinh quyền đương nhiên được sử dụng tên.	Quy định hợp lý, xác định Ngân hàng tên là công cụ quản lý, tham khảo và chuẩn bị nguồn tên; việc lựa chọn tên cụ thể vẫn phải căn cứ vào vị trí, quy mô, tính chất, ý nghĩa của đối tượng và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
Pháp luật hiện hành chưa quy định riêng về cơ sở dữ liệu số đối với tên đường, công trình công cộng.	Điều 10, Điều 20 quy định quản lý, cập nhật Ngân hàng tên, cơ sở dữ liệu, bản đồ và các hệ thống thông tin có liên quan.	Bổ sung phù hợp yêu cầu chuyển đổi số, bảo đảm dữ liệu tên đường và công trình công cộng được cập nhật thống nhất giữa các cơ quan. Quy định này chủ yếu là trách nhiệm quản lý nhà nước, không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với người dân.
Pháp luật hiện hành yêu cầu hạn chế tác động bất lợi đối với tổ chức, cá nhân khi đổi tên đường, phố, công trình công cộng.	Điều 8 và Điều 21 quy định đánh giá tác động và giải pháp xử lý giấy tờ, dữ liệu, giao dịch, biên tên và các chi phí phát sinh khi đổi tên.	Bổ sung cần thiết nhằm bảo đảm tính ổn định của quản lý nhà nước, hạn chế chi phí xã hội và giảm ảnh hưởng đến tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, dữ liệu đất đai, dân cư và các giao dịch có liên quan.
Pháp luật hiện hành không quy định cá nhân, tổ chức phải xin phép cơ quan nhà nước để được cập nhật địa chỉ do Nhà nước đặt tên hoặc đổi tên đường.	Dự thảo quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước và đơn vị quản lý trong việc cập nhật thông tin sau khi đặt tên, đổi tên; không đặt ra thủ tục xin phép mới đối với cá nhân, tổ chức.	Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Việc điều chỉnh, cập nhật giấy tờ, địa chỉ và dữ liệu sau khi đổi tên được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và theo trách nhiệm của cơ quan quản lý dữ liệu.

Pháp luật về ngân sách nhà nước và Nghị định số 91/2005/NĐ-CP là căn cứ bảo đảm kinh phí thực hiện đặt tên, đổi tên.	Điều 27 quy định kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác.	Phù hợp với quy định về nguồn kinh phí. Đề nghị bổ sung nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; không đặt nghĩa vụ tài chính trực tiếp đối với người dân do việc đặt tên, đổi tên.
Pháp luật hiện hành quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện thuộc UBND và các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Điều 22 đến Điều 26 quy định trách nhiệm của UBND, cơ quan chuyên môn về văn hóa, xây dựng, giao thông, tài chính, UBND cấp xã và đơn vị quản lý công trình công cộng.	Cụ thể hóa trách nhiệm của từng cơ quan trong quá trình lập hồ sơ, khảo sát, thẩm định, quyết định và tổ chức thực hiện.
Pháp luật hiện hành yêu cầu văn bản phải có quy định chuyển tiếp phù hợp khi có thay đổi về địa giới hành chính, tổ chức chính quyền hoặc hồ sơ đang giải quyết.	Điều 28 quy định xử lý chuyển tiếp đối với Đề án và tên đã được đặt trước ngày Quy định có hiệu lực.	Quy định chuyển tiếp là cần thiết để bảo đảm không gián đoạn việc xử lý hồ sơ và giá trị của các tên đã được quyết định. Đề nghị bổ sung, rà soát trường hợp các quyết định, nghị quyết của cấp huyện trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và việc xử lý các hồ sơ đang giải quyết tại thời điểm Quy định có hiệu lực.